

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)

KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION

Head Office: Maritime Bank Tower, level 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ St, District 1, HCM city

Tel.: +84 83 914 8585. Fax: +84 83 821 6899

Số: 118.20/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2020.

## CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của Quý 3/2020 so với Quý 3/2019)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của quý 3/2020 (kỳ báo cáo) so với quý 3/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Quý năm này	Quý năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	64,817,337,649	7,514,341,626	57,302,996,023	763%
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	31,257,644,135	2,458,725,851	28,798,918,284	1171%
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	21,912,236,783	2,091,069,438	19,821,167,345	948%
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1,230,445,800	215,772,340	1,014,673,460	470%
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	10,417,010,931	2,748,773,997	7,668,236,934	279%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	17,352,107,815	12,530,870,404	4,821,237,411	38%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	67,420,702,053	58,691,758,410	8,728,943,643	15%
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	16,565,265,000	124,830,000	16,440,435,000	13170%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	41,852,338,307	27,767,089,067	14,085,249,240	51%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	803,246,879	737,457,872	65,789,007	9%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5,654,545,455		5,654,545,455	
1.11. Thu nhập hoạt động khác	16,982,203	64,391,495	(47,409,292)	-74%

Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	214,490,525,361	107,430,738,874	107,059,786,487	100%
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	39,922,040,361	2,218,031,997	37,704,008,364	1700%
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	16,046,594,444	347,928,928	15,698,665,516	4512%
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	10,285,533,602	1,440,667,556	8,844,866,046	614%
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	95,520,794	4,114,990	91,405,804	2221%
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	13,494,391,521	425,320,523	13,069,070,998	3073%
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	14,218,813,974	14,029,654,011	189,159,963	1%
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phải sinh phòng ngừa rủi ro	30,772,493,000	483,390,000	30,289,103,000	6266%
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	7,301,517,152	314,230,882	6,987,286,270	2224%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26,973,441,681	19,124,145,797	7,849,295,884	41%
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	972,366,477	747,596,762	224,769,715	30%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1,465,680,735	352,029,008	1,113,651,727	316%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	121,626,353,380	37,269,078,457	84,357,274,923	226%
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	175,379,601	272,033,211	(96,653,610)	-36%
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	5,062,889	5,037,302	25,587	1%
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	180,442,490	277,070,513	(96,628,023)	-35%
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.2. Chi phí lãi vay	2,146,770,314	52,892,915	2,093,877,399	3959%
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->54)	2,146,770,314	52,892,915	2,093,877,399	3959%
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>				
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	26,217,260,647	22,660,921,036	3,556,339,611	16%
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	64,680,583,510	47,724,916,979	16,955,666,531	36%
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	262,452	24,211,607	(23,949,155)	-99%
8.2. Chi phí khác	363,701,571	25,274	363,676,297	1438934%
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	(363,439,119)	24,186,333	(387,625,452)	-1603%
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	64,317,144,391	47,749,103,312	16,568,041,079	35%
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	55,767,821,800	44,775,247,956	10,992,573,844	25%
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	8,549,322,591	2,973,855,356	5,575,467,235	187%
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	12,863,428,879	9,549,820,662	3,313,608,217	35%
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,863,428,879	9,549,820,662	3,313,608,217	35%
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	51,453,715,512	38,199,282,650	13,254,432,862	35%

Trong quý 3/2020, Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 51.4 tỷ đồng, tăng 13,2 tỷ (35%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động. Doanh thu hoạt động sau khi trừ chi phí hoạt động tăng thêm 22.7 tỷ chủ yếu như sau :

- Lãi từ hoạt động tự doanh, lãi từ các tài sản tài chính FVTPL, sau khi trừ đi phần lỗ tài sản tài chính FVTPL và lỗ mua bán hợp đồng tương lai thì tăng thêm 5.7 tỷ.
  - Phí thu được từ nghiệp vụ môi giới sau khi trừ chi phí tương ứng thì tăng thêm 6,2 tỷ
- Phần còn lại doanh thu tăng là do tăng từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hoạt động cho vay margin. Đồng thời kỳ này doanh thu hoạt động tư vấn tăng 4,5 tỷ là do thu từ hoạt động tư vấn phát hành và giới thiệu nhà đầu tư mua trái phiếu.
- Bên cạnh doanh thu tăng thì Quý này chi phí tài chính cũng tăng do trích trước chi phí lãi trái phiếu do công ty phát hành (tăng 2 tỷ).

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh quý 3/2020 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

ƯO Tổng giám đốc   
Giám đốc khối  
  
Lee Hun Woo



